PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Unit 17 L3 · Unit 18 Playing and doing L1 (tr. 50–53)

Tuần 30



Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

writ( )ng danc( )ng sing( )ng rea( )ing

t( )y k( )te tedd( ) bear tr( )ck

Bài 2: Circle the correct answer

1. I'm ... (A) singing (B) sing (C) sings
2. I ... dancing. (A) is (B) 'm (C) are
3. My brother ... a car. (A) have (B) is (C) has
4. I'm ... a book. (A) reading (B) singing (C) dancing

Bài 3: Put the words in order

1. a / I'm / book. / reading

.....

2. has / She / a / doll. / new

.....

3. They / toys. / many / have

.....

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. k(i)te → (A) five (B) ship (C) sister
2. Từ nào có âm oy? (A) toy (B) go (C) door
3. wr(i)ting → (A) fish (B) nine (C) big

Bài 5: Read and tick True (T) or False (F)

Toy time

Hi, I'm Kiên. I have a plane and a bus. They're new. My sister has a teddy bear and two dolls. Look! I'm reading a book. My sister is singing. My friend Bảo has a big kite. It's yellow. We like our toys.

1. Kiên has a plane and a bus. (T) (F)
2. His sister has three dolls. (T) (F)
3. Kiên is reading a book. (T) (F)
4. Bảo's kite is red. (T) (F)

Bài 6: Let's write: đồ chơi và việc em đang làm

Viết 3 câu: em có đồ chơi gì, em đang làm gì.

What toys do you have? What are you doing now? – I have ... / I'm ...

.....

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn Thi · tiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 30

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

writing dancing singing reading toy kite teddy bear truck

Bài 2: Circle the correct answer

1. **A** (singing) 2. **B** ('m) 3. **C** (has) 4. **A** (reading)

Bài 3: Put the words in order

1. I'm reading a book.
2. She has a new doll.
3. They have many toys.

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. **A** (five) 2. **A** (toy) 3. **B** (nine)

Bài 5: Read and tick True (T) or False (F)

1. **A** (T)
2. **B** (F)
3. **A** (T)
4. **B** (F)

Bài 6: Let's write: đồ chơi và việc em đang làm

Mẫu: I have a ship and a train. I like my train. I'm writing now.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án